TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2025
"V/v Ly hôn giữa
Bà T và ông Q"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư;

2. Ông Nguyễn Tùng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 440/2024/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị Phương T**, sinh năm 1985, nơi cư trú: số 13/3, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Trần Văn Thanh Q**, sinh năm 1982, nơi cư trú: số 93, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Thị Phương T trình bày*:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Thanh Q tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 28/02/2005 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã V (nay thành phố V), tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu Bà, Ông sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cải vã với nhau, gia đình hai bên có khuyên ngăn nhưng không hàn gắn được

tình cảm vợ chồng, Bà và ông Q không còn tình cảm vợ chồng, không thể khắc phục được mâu thuẫn, đã ly thân nhau, mạnh ai người đó sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay, Bà không thể tiếp tục cuộc sống vợ, chồng với ông Q nên làm đơn xin ly hôn, ông Q vẫn biết nhưng không đến Tòa án để giải quyết do đi làm ăn xa, Bà xác định không còn tình cảm vợ, chồng với ông Q nên xin ly hôn chứ không nhằm mục đích gì khác, mâu thuẫn vợ, chồng không thể hàn gắn được nên Bà giữ quan điểm trong đơn kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn ông Q.

Về con chung: Bà và ông Q trong thời kỳ hôn nhân có hai người con chung tên Trần Thảo T, sinh ngày 02/02/2005 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Nguyên T, sinh ngày 05/10/2009 hiện hai con đang sống với bà T, sau khi ly hôn nguyện vọng của T muốn sống với ông Q thì bà đồng ý giao con cho ông Q nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con, trường hợp T muốn sống với Bà thì bà T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T khai không có, không yêu cầu giải quyết; nợ chung: Bà cam kết trong thời kỳ hôn nhân với ông Q đến thời điểm xin ly hôn không có nợ chung. Tại phiên tòa bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông Q vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, ông Q không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa ông Q vắng mặt đến lần thứ hai.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Phương T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, ông Trần Văn Thanh Q vắng mặt suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con được quy định tại các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Ông Q vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai, bà T có đơn đề nghị xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ

luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Hiện nay, bà T và ông Q đã sống ly thân nhau, sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng Bà, Ông không có yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của Bà, Ông; bà T xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong hôn nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cải vã; ông Q không có ý kiến gì phản đối yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết bà T xác định được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, Bà và ông Q có thời gian sống ly thân nhau đã lâu, bà T xin ly hôn ông Q do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cải vã, trong suốt quá trình tố tụng ông Q luôn vắng mặt nên Bà kiên quyết giữ quan điểm ly hôn vì mâu thuẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Q.

[2.2] Về con chung: Bà và ông Q trong thời kỳ hôn nhân có hai người con chung tên Trần Thảo T, sinh ngày 02/02/2005 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Nguyên T, sinh ngày 05/10/2009, sau khi ly hôn nguyện vọng của T muốn sống với bà T, bà T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao Nguyên T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T khai không có nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: bà T khai thời kỳ hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn ông Q không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV - QH 14 ngày 30/12/2016, bà Thảo phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đ, ông Q không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Phương T và ông Trần Văn Thanh Q.

1.2/ Về nuôi con chung: Bà T và ông Q có hai người con chung tên Trần Thảo T, sinh ngày 02/02/2005 đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết, Trần Nguyên T, sinh ngày 05/10/2009 theo nguyện vọng muốn sống chung với mẹ - bà T, giao T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn ông Q có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3/ Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0007575 ngày 26/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- UBND P. Trường An, TPVL;
  Giấy CNKH số 01, ngày 28/02/2005.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/ .....

2/ .....

Nguyễn Thị Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 40 phút, ngày 22 tháng 4 năm 2025;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư.

2. Ông Nguyễn Tùng Châu.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 440/2024/TLST-HNGĐ ngày 31/12/2024 về "Tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con chung" giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phạm Thị Phương Thảo**, sinh năm 1985 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 13/3, ấp Tân An, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn*: Ông **Trần Văn Thanh Quyên**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 93, khóm Tân Quới Hưng, phường Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬT, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:
Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Phương Thảo và ông Trần Văn Thanh Quyên.

1.2/ Về nuôi con chung: Bà Thảo và ông Quyên có hai người con chung tên Trần Thảo Trinh, sinh ngày 02/02/2005 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết và Trần Nguyên Tuấn, sinh ngày 05/10/20209, sau khi ly hôn nguyện vọng của Tuấn muốn sống với bà Thảo, bà Thảo đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Quyến cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn ông Quyên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà Thảo có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3/ Về chia tài sản: Không có, không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Bà Phạm Thị Phương Thảo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N^{0} 0007575 ngày 26/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà Thảo đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/ .....

2/ .....

Nguyễn Thị Loan